

Số: 22/2026/QĐST–DS

Hưng Yên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 37/2026/TLST–DS ngày 27 tháng 02 năm 2026, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Văn N – Trưởng phòng giao dịch

Địa chỉ: T đất số 463 + 464, tờ bản đồ số 05, Khu trung tâm thương mại N1, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Quyết định ủy quyền số 4775/2025/QĐ-PC ngày 26/12/2025.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1977.

Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1978.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1953.

Bà Chu Thị B, sinh năm 1955

Ông Trịnh Trung D, sinh năm 1982

Bà Mai Thị H1, sinh năm 1983

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị X trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

- Về nợ gốc: Ông H, bà X phải trả nợ gốc là 297.160.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng)

- Về nợ lãi: Ông H, bà X phải trả tiền lãi tính đến ngày 26/5/2026 là 70.925.366 đồng (Bảy mươi triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: lãi trong hạn là 58.068.557 đồng (Năm mươi tám triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 12.856.809 đồng (Mười hai triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm linh chín đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 368.085.366 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm tám mươi năm nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng) và ông H, bà X có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/5/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng hai bên đã ký.

Kế hoạch trả nợ: Ngày 17/7/2026 ông H, bà X sẽ tắt toán toàn bộ số tiền gốc 297.160.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2026 là 70.925.366 đồng (Bảy mươi triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó: lãi trong hạn là 58.068.557 đồng (Năm mươi tám triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng), lãi quá hạn là 12.856.809 đồng (Mười hai triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm linh chín đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 368.085.366 đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu, không trăm tám mươi năm nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng) và ông H, bà X có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/5/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng hai bên đã ký.

Ghi nhận đề nghị của ông H, bà X thanh toán hết số tiền gốc, đề nghị Ngân hàng xem xét trình cấp có thẩm quyền để miễn giảm tiền lãi cho ông H, bà X.

Trường hợp ông Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 241m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên cũ (nay là thôn T, xã L, tỉnh Hưng Yên); Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 17 thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của ông Trịnh Văn T và bà Chu Thị B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 400513, số vào sổ cấp GCN: CH00294-4820/QĐ-UBND do UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 28/10/2008 để đảm bảo thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thì ông H, bà X vẫn phải tiếp tục thanh toán số nợ còn thiếu cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm còn thừa sẽ trả lại cho ông H, bà X.

Khi xử lý tài sản thế chấp, giá trị ngôi nhà 01 tầng, diện tích sàn khoảng 120m² xây và hoàn thiện năm 2018, nhà kết cấu bê tông cốt thép khung sắt lợp ngói móc, hiên nhà đổ trần vát và dán ngói và một số công trình xây dựng, cây cối trên đất của vợ chồng ông Trịnh Trung D và bà Mai Thị H1 giá trị các tài sản này sẽ được trả lại cho vợ chồng ông D, bà H1.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Ô Trịnh Văn H và bà Nguyễn Thị X tự nguyện chịu cả 9.202.100 đồng (Chín triệu, hai trăm linh hai nghìn, một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 9.750.000 đồng (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000880, ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Vân Anh